

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TNH23B2**
Mã MH/MĐ: **MH002169**
Tên MH/MĐ: **Môi trường và an ninh - an toàn trong nhà hàng**
Số TC: **2**

Năm học: **23-24**
Học kỳ: **01**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2358102064574	Trần Ngọc Phương	Anh	29/05/2008			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
2	2358102064575	Nguyễn Hoàng Kỳ	Bảo	25/02/2008			8	9.0	8.0		6.5		7.3
3	2358102064576	Huỳnh Tín	Đạt	05/12/2008			8	7.0	7.0		6.3		6.7
4	2358102064577	Dương Thúy	Huyền	07/07/2008			8	8.0	8.0		9.8		9.1
5	2358102064578	Trần Thị Kim	Khánh	25/08/2008			7	8.0	8.0		8.3		8.1
6	2358102064579	Hứa Trí	Kiên	07/01/2007			5	6.0	5.0		0.0		2.2
7	2358102064580	Nguyễn Trí	Kiệt	13/02/2008			6	6.0	6.0		5.8		5.9
8	2358102064581	Võ Lê Mỹ	Kiều	26/07/2008			8	8.0	8.0		7.0		7.4
9	2358102064582	Lê Bảo	Kỳ	10/11/2007			6	6.0	6.0		5.5		5.7
10	2358102064583	Nguyễn Lê Thanh	Ngân	28/07/2007			6	6.0	6.0		0.0		2.4
11	2358102064584	Trần Minh	Nhật	05/10/2007			8	8.0	8.0		8.5		8.3
12	2358102064585	Nguyễn Thị Thùy	Nhiên	13/06/2001			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
13	2358102064586	Huỳnh Văn Tài	Phong	03/04/2008			8	9.0	8.0		0.0		3.4
14	2358102064587	Trương Hồng	Thái	31/03/2008			7	6.0	6.0		8.5		7.6
15	2358102064588	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	02/01/2008			9	9.0	9.0		10.0		9.6
16	2358102064589	Võ Ngọc Mai	Trang	11/12/2008			8	8.0	7.0		5.8		6.5
17	2358102064590	Trần Ngọc	Trân	15/04/2008			7	8.0	8.0		9.8		9.0
18	2358102064591	Trần Thị Bảo	Trân	26/01/2008			5	8.0	6.0		5.0		5.6
19	2358102064592	Nguyễn Minh	Trí	04/05/2008			6	7.0	6.0		5.0		5.6
20	2358102064593	Nguyễn Hiếu	Trung	05/08/2008			9	8.0	9.0		8.8		8.7
21	2358102064594	Võ Thị Mỹ	Tú	02/04/2008			9	8.0	8.0		8.3		8.3
22	2358102064595	Nguyễn Ngọc Mỹ	Xuyên	10/02/2008			8	8.0	9.0		9.0		8.8

Châu Đốc, ngày 29 tháng 1 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đoàn Thị Minh Khánh